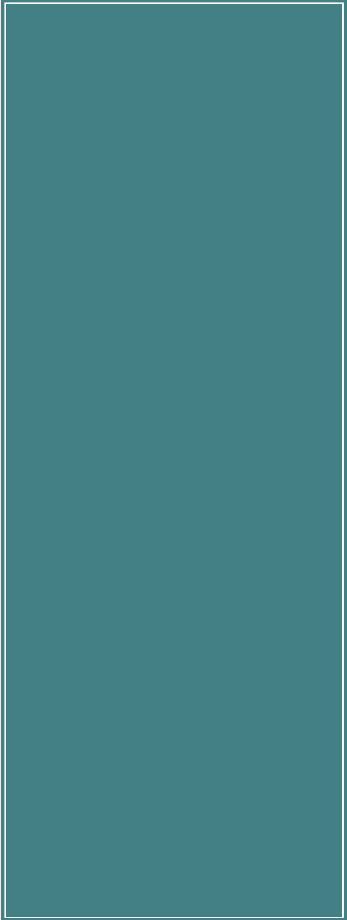


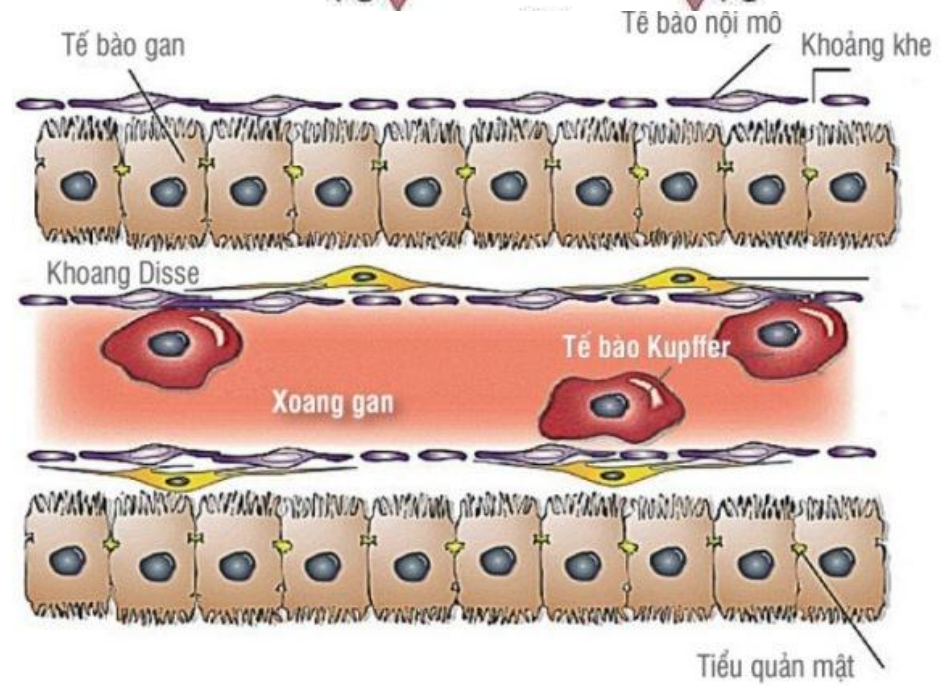
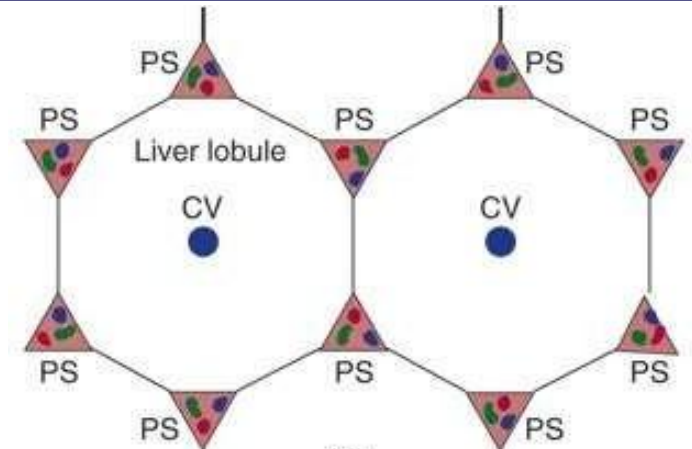
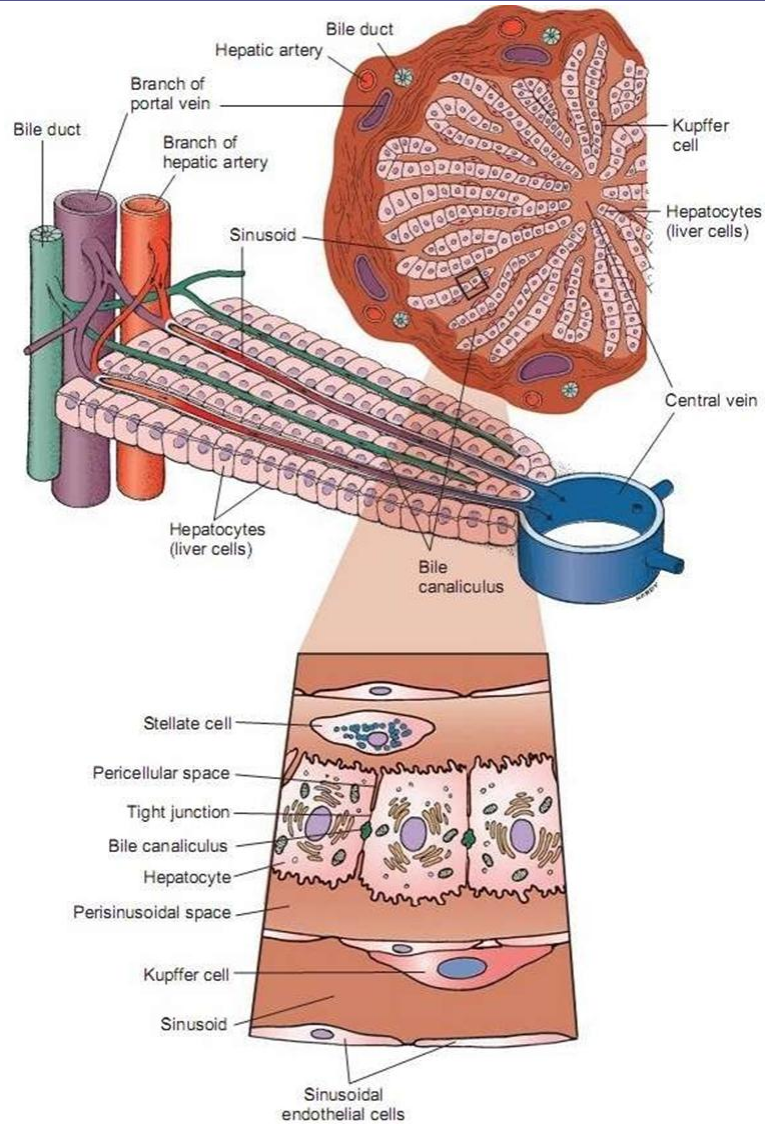
SINH LÝ GAN

BS Nguyễn Bình Thư

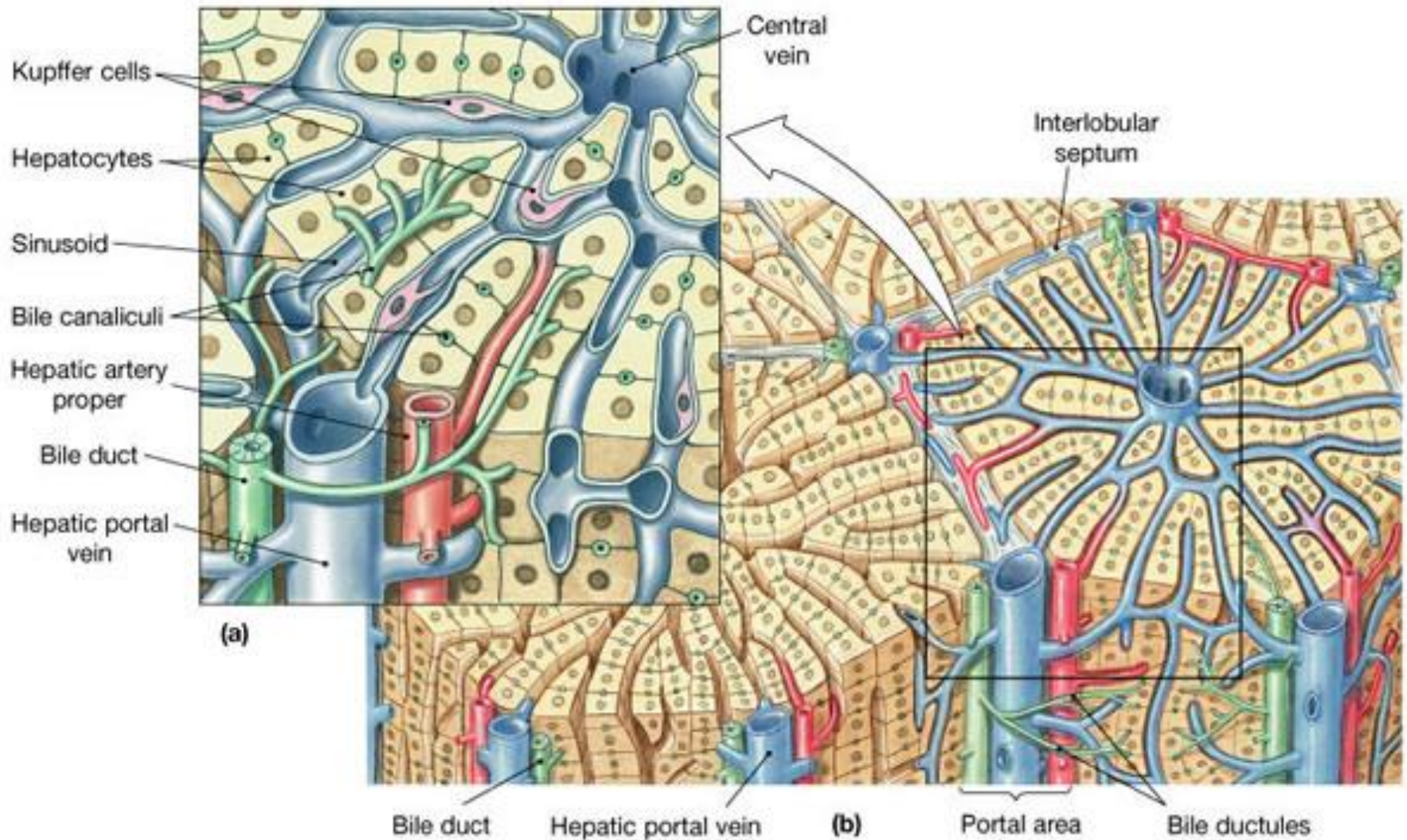
MỤC TIÊU

- 
- 1) Trình bày được chức năng lọc và dự trữ máu.
 - 2) Trình bày được các chức năng chuyển hóa các chất.
 - 3) Trình bày được chức năng bài tiết mật.
 - 4) Trình bày được chức năng dự trữ các chất.

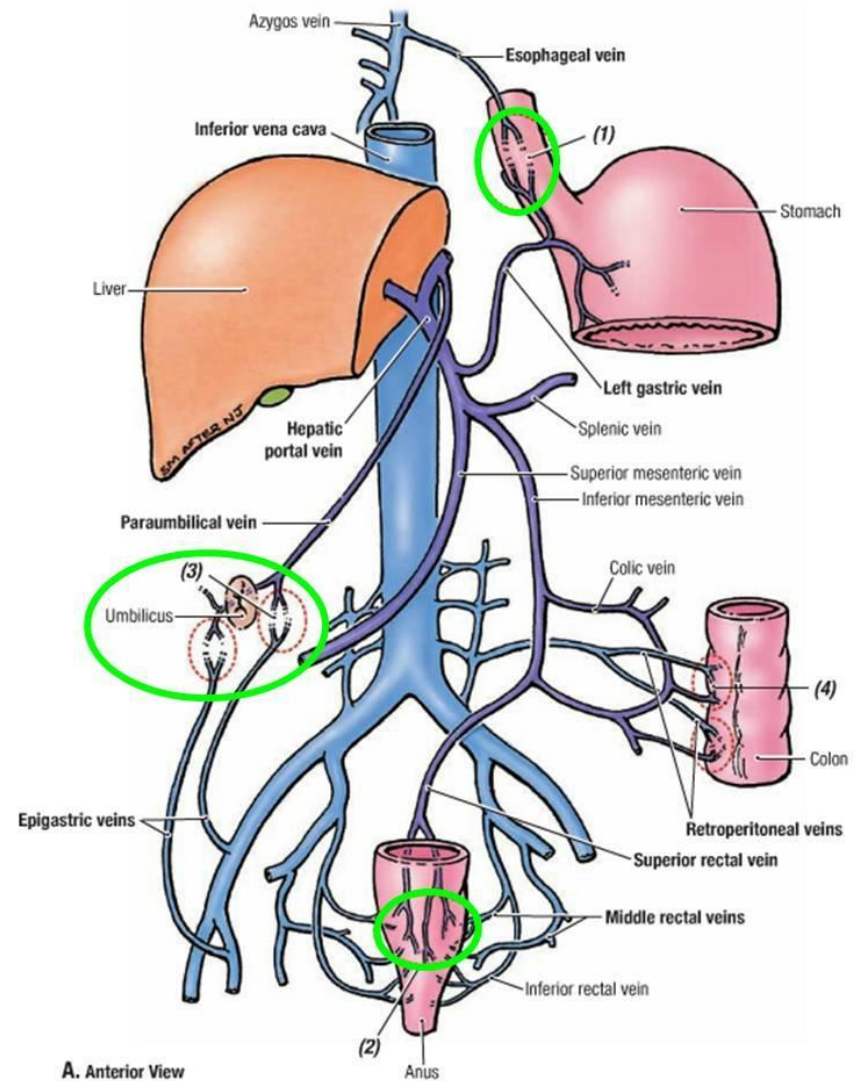
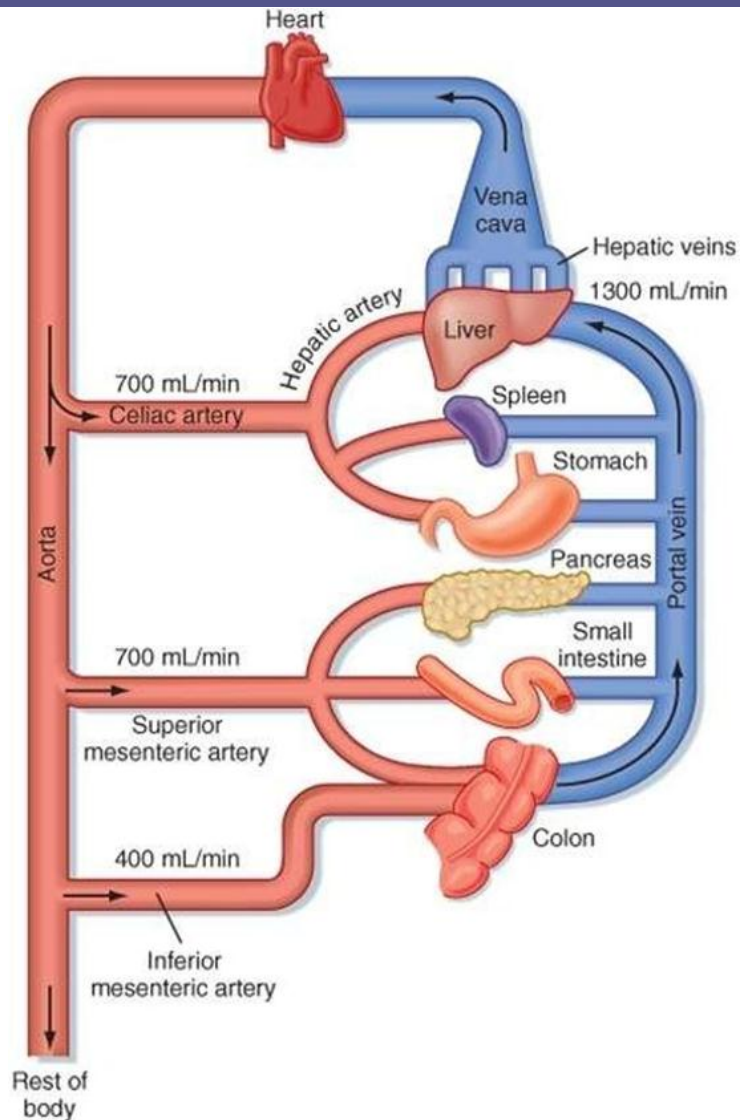
Mô học



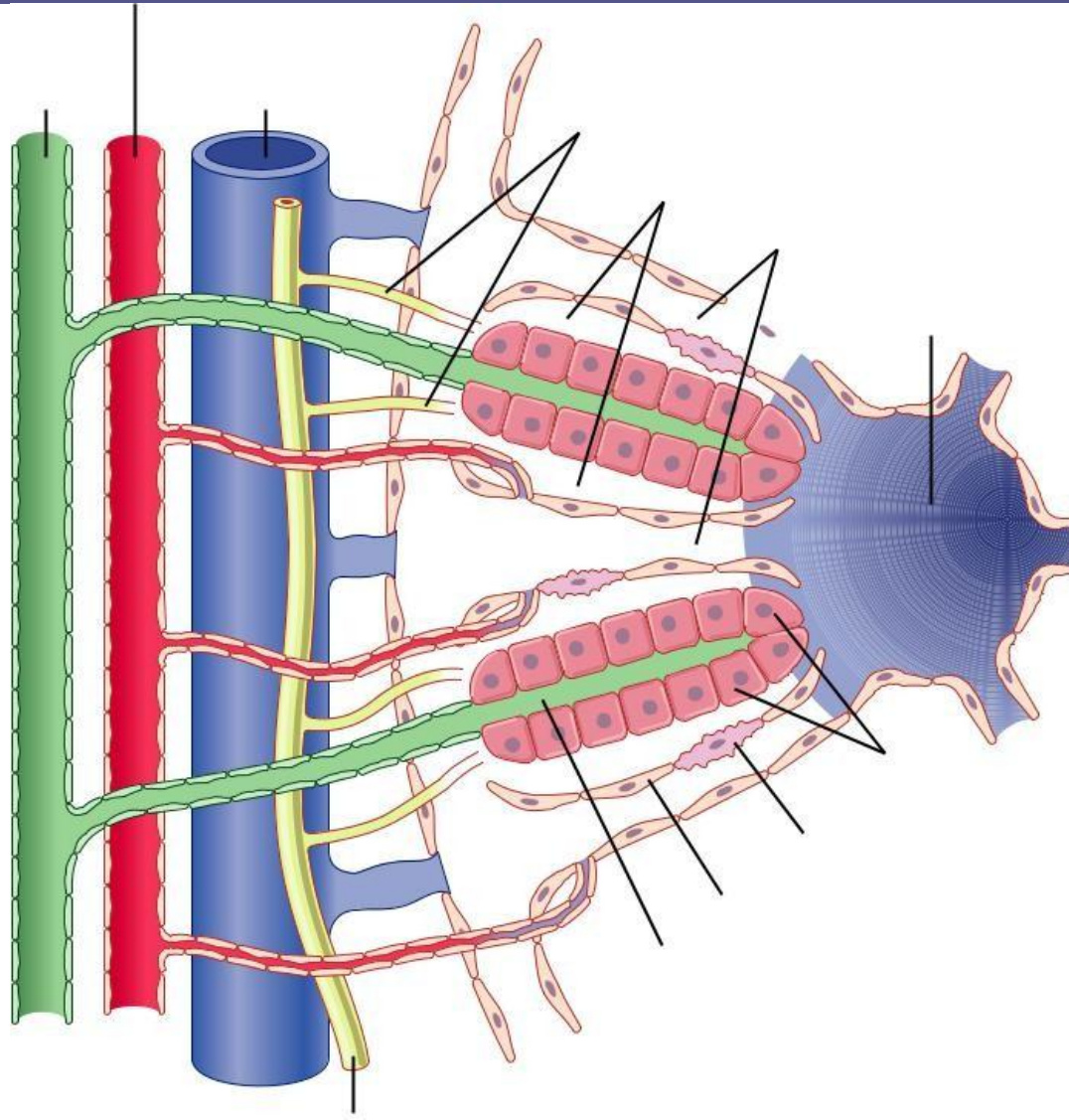
Mô học



Vòng nối cửa – chủ

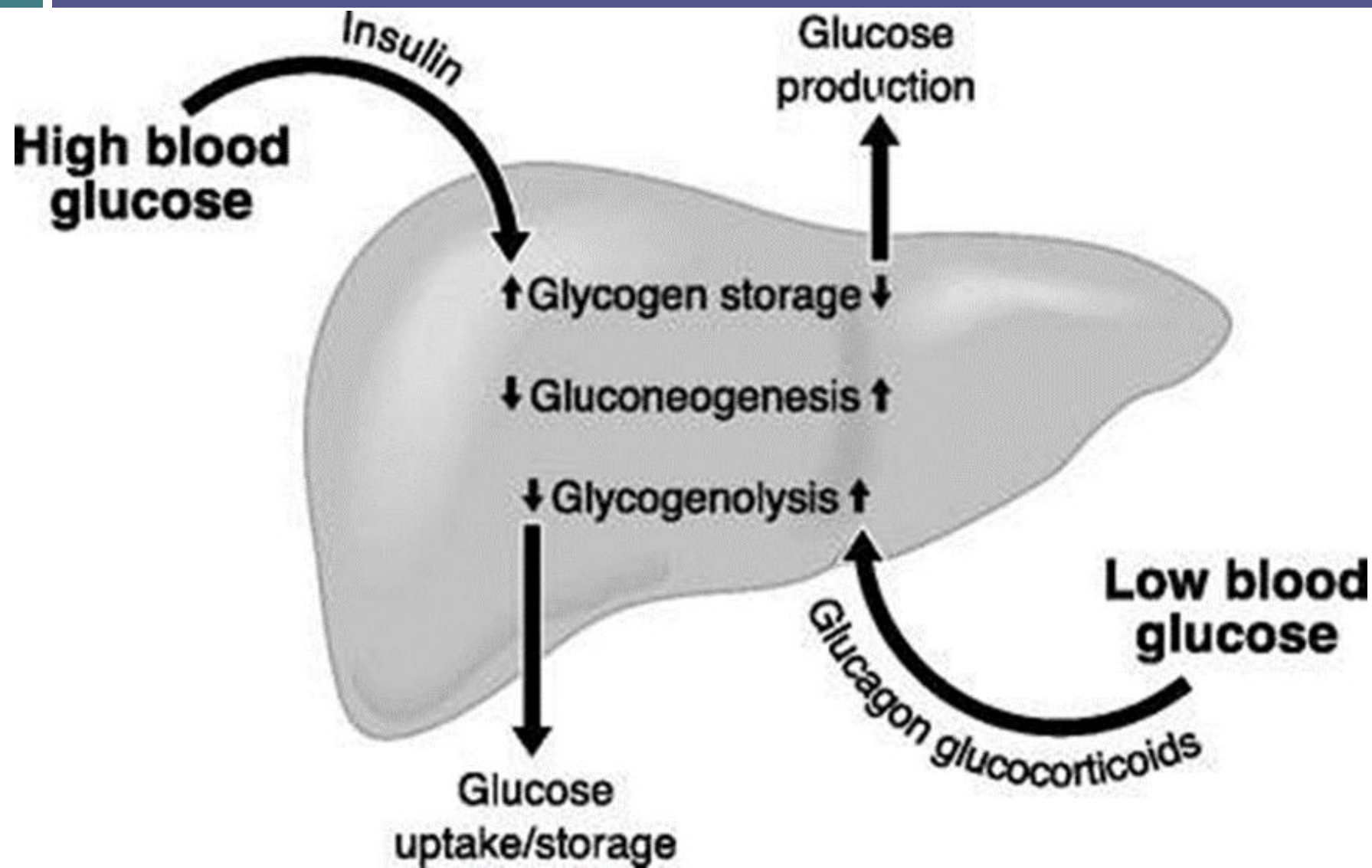


CHỨC NĂNG LỌC VÀ DỰ TRỮ MÁU



CHUYỂN HÓA CARBOHYDRATE

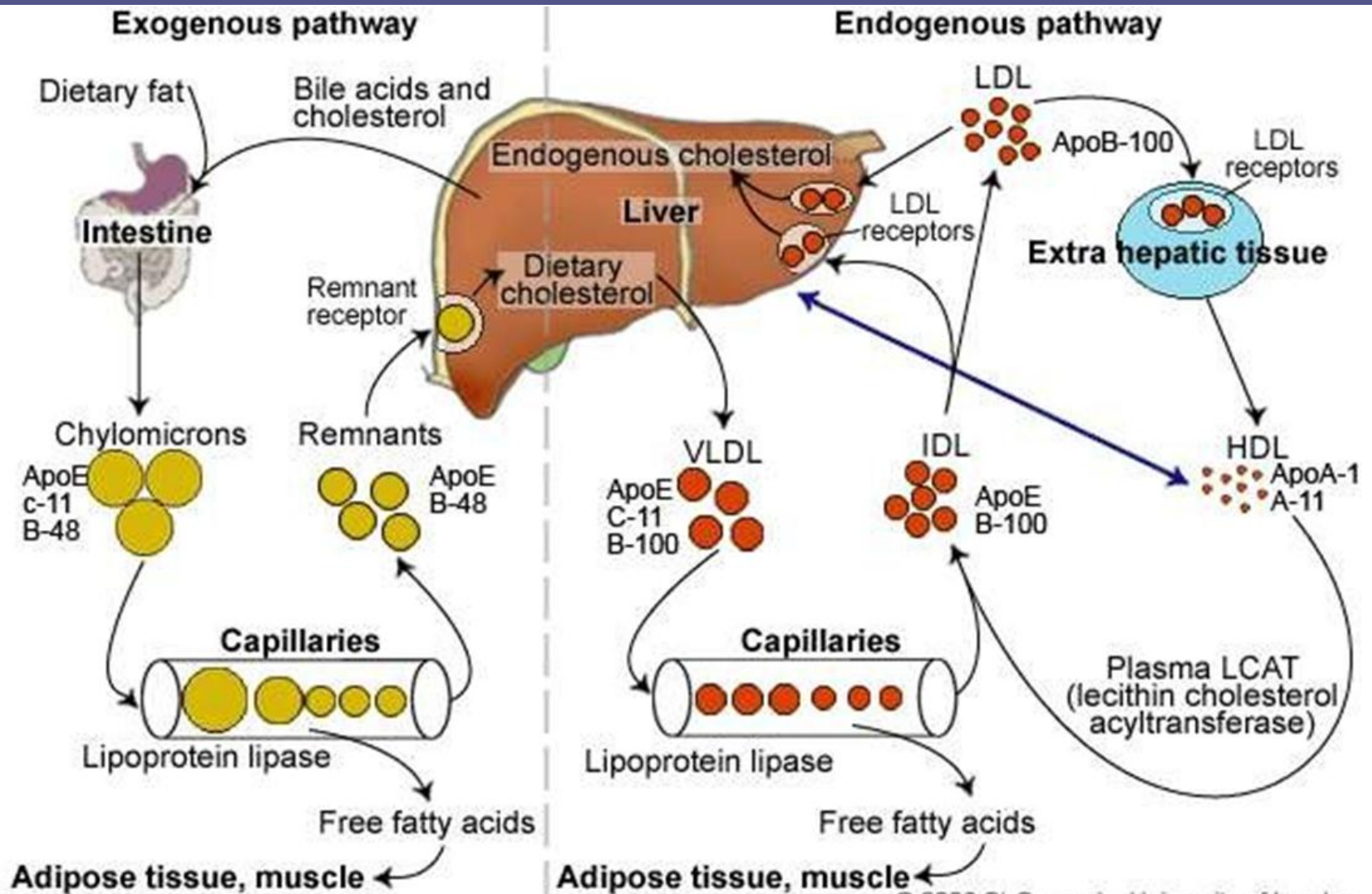
- ❖ Dự trữ glycogen
- ❖ Biến đổi galactose và fructose thành glucose
- ❖ Tân tạo glucose
- ❖ Thành lập nhiều hợp chất hóa học trung gian từ các sản phẩm trung gian của chuyển hóa carbohydrate.



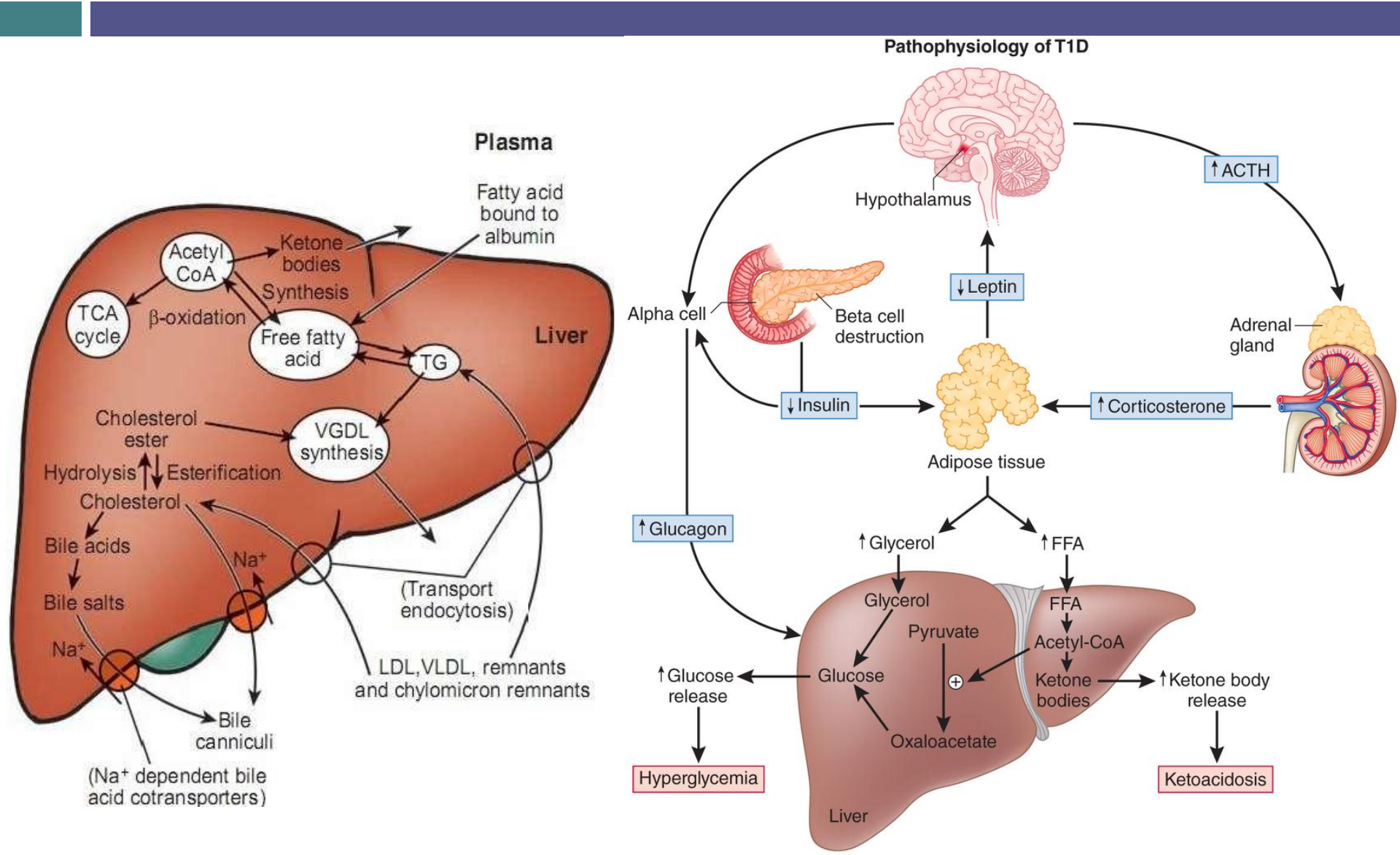
CHUYỀN HÓA LIPID

- ❖ Oxy hóa các acid béo để cung cấp năng lượng
- ❖ Tổng hợp nhiều cholesterol, phospholipid và phần lớn các lipoprotein.
- ❖ Tổng hợp mỡ từ protein và carbohydrate.

Tổng hợp lipoprotein



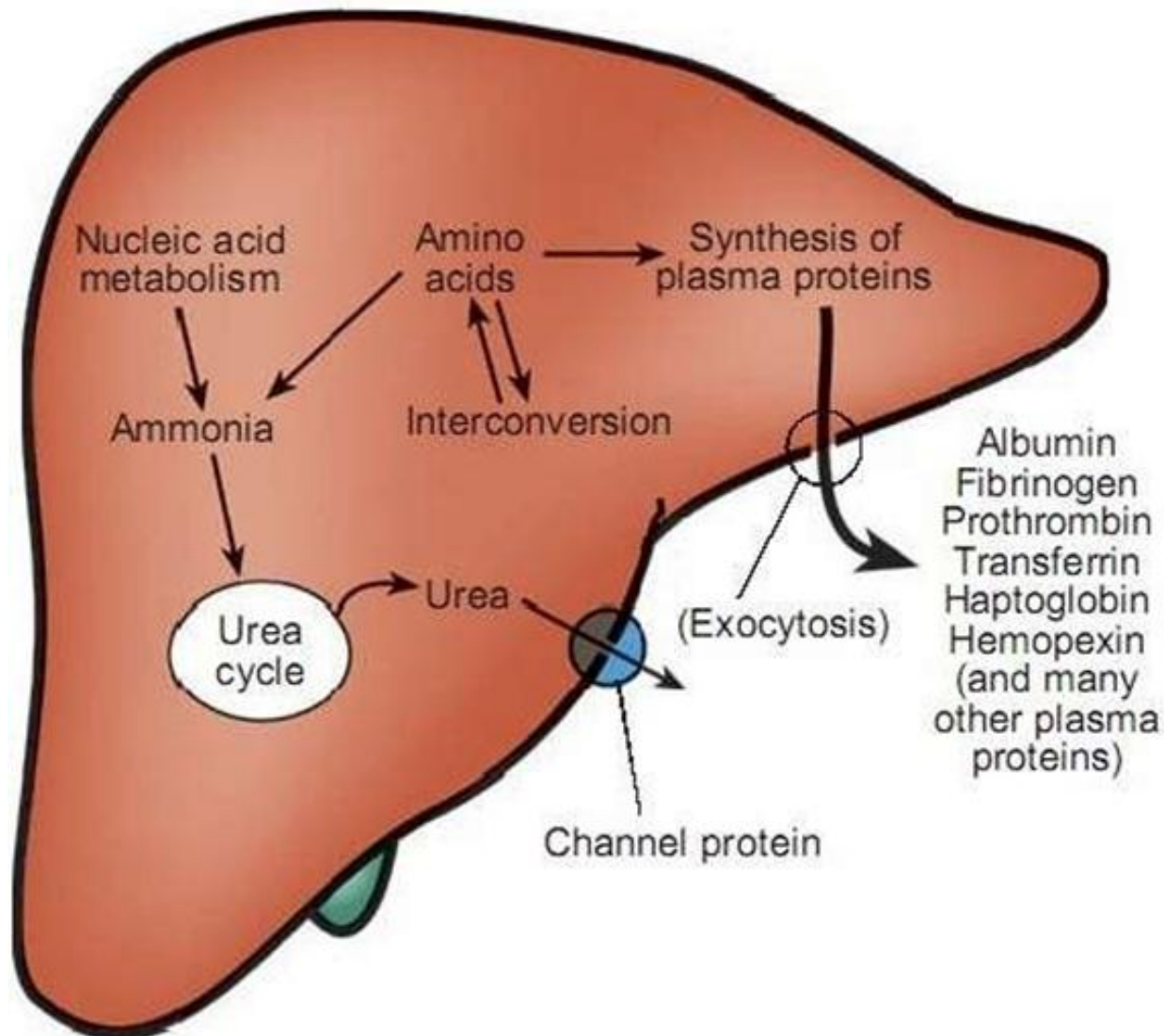
Oxy hóa acid béo



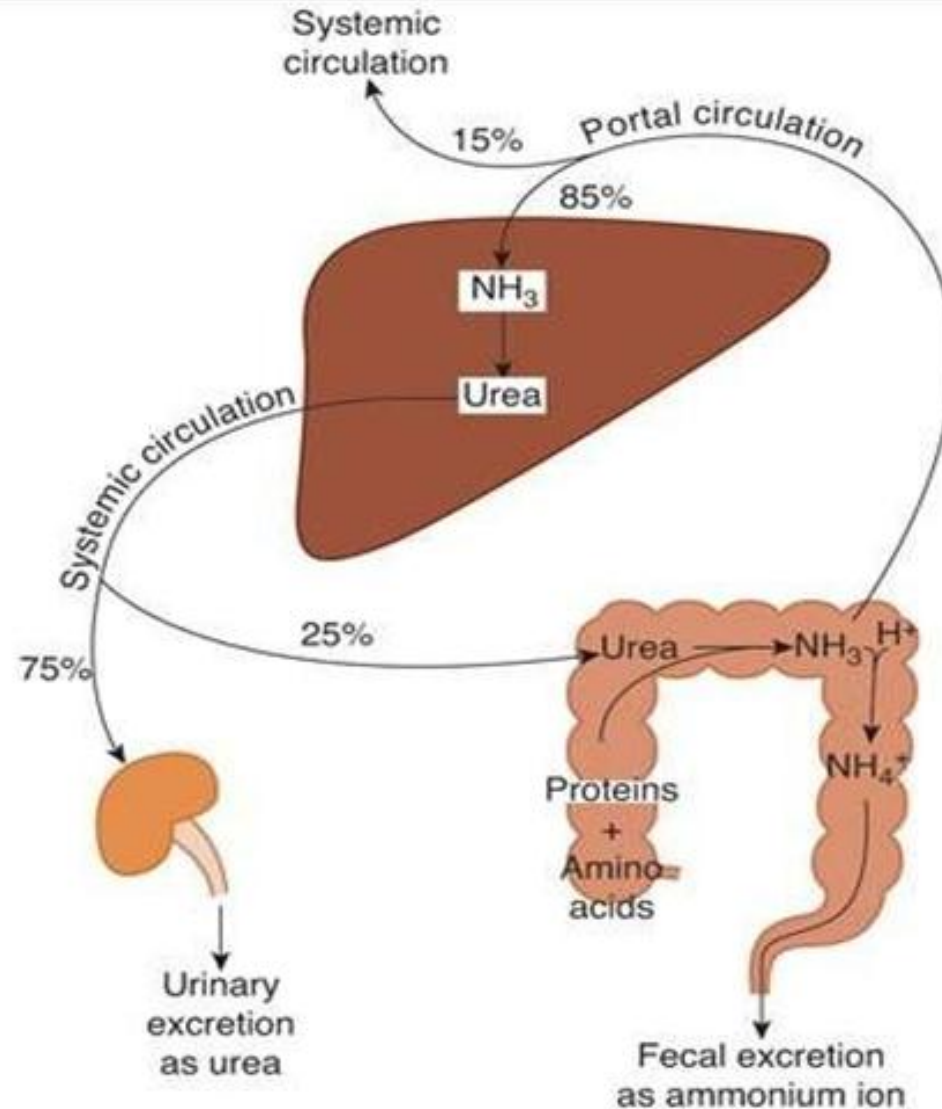
CHUYỂN HÓA PROTEIN

- ❖ Khử amin của acid amin.
- ❖ Biến đổi qua lại giữa các acid amin và các phức hợp khác từ acid amin.
- ❖ Tổng hợp protein huyết tương
- ❖ Thành lập ure để loại bỏ ammonia ra khỏi cơ thể.

Tổng hợp protein

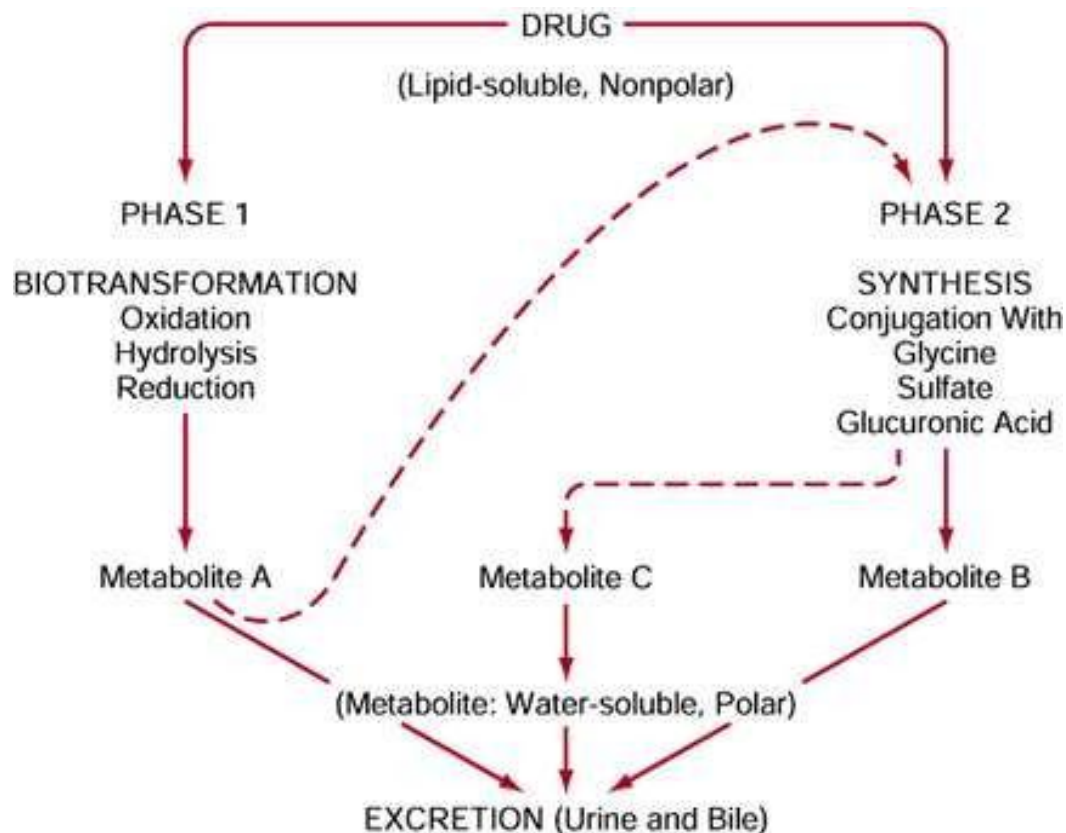


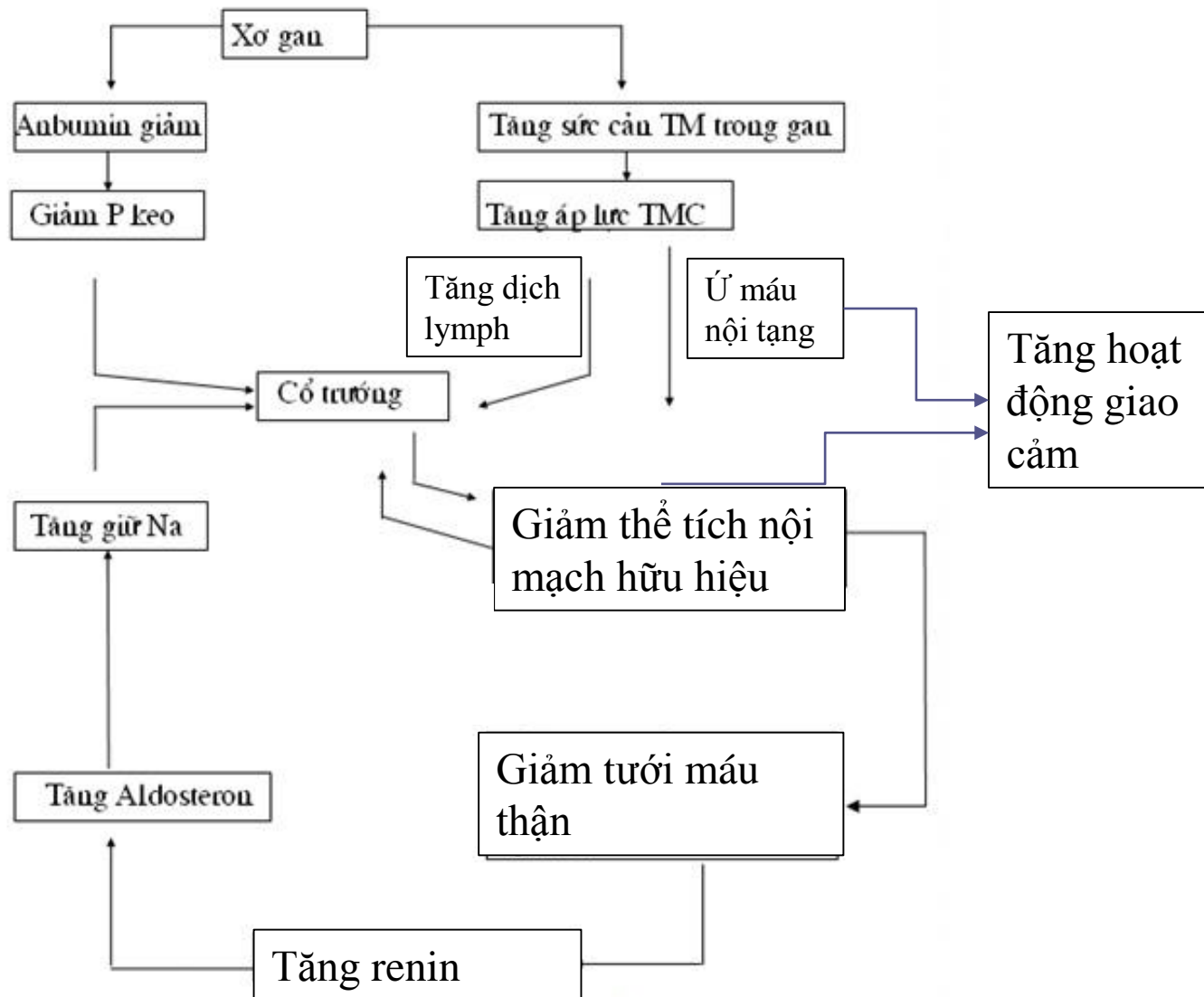
Thành lập ure



CHỨC NĂNG KHỬ ĐỘC

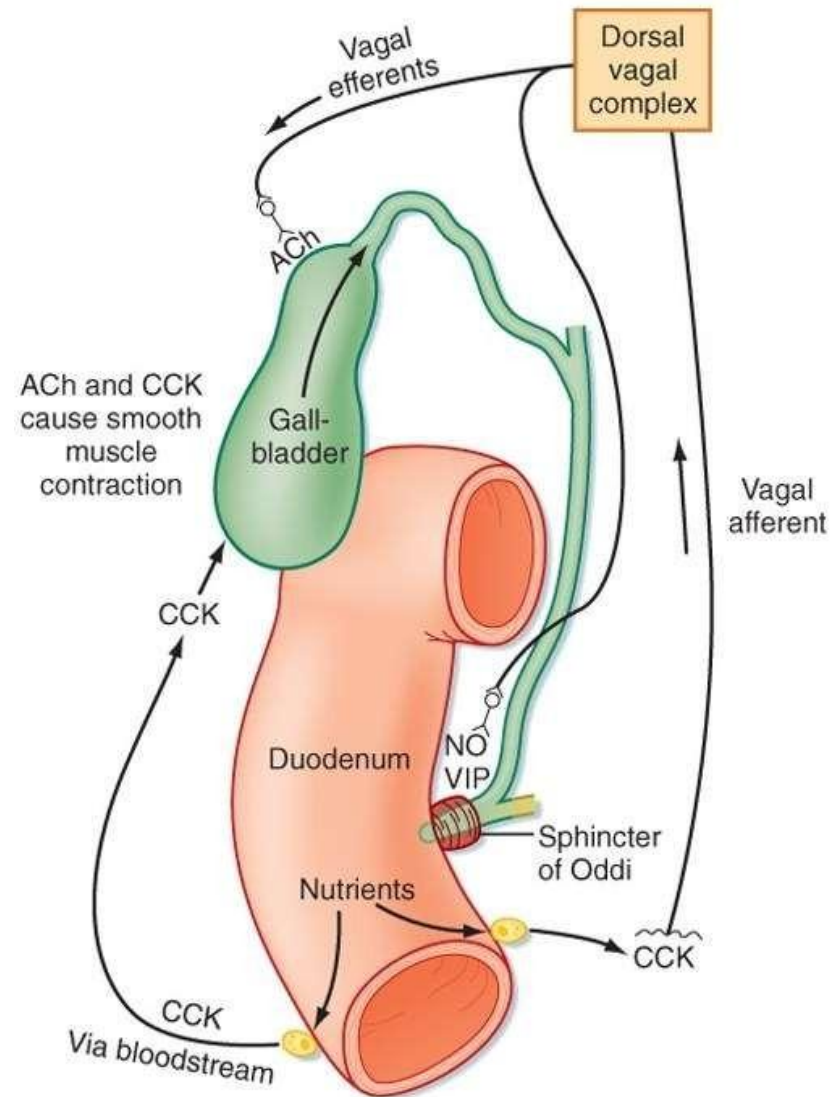
- ❖ Chuyển hóa thuốc
- ❖ Bất hoạt hormon nội sinh



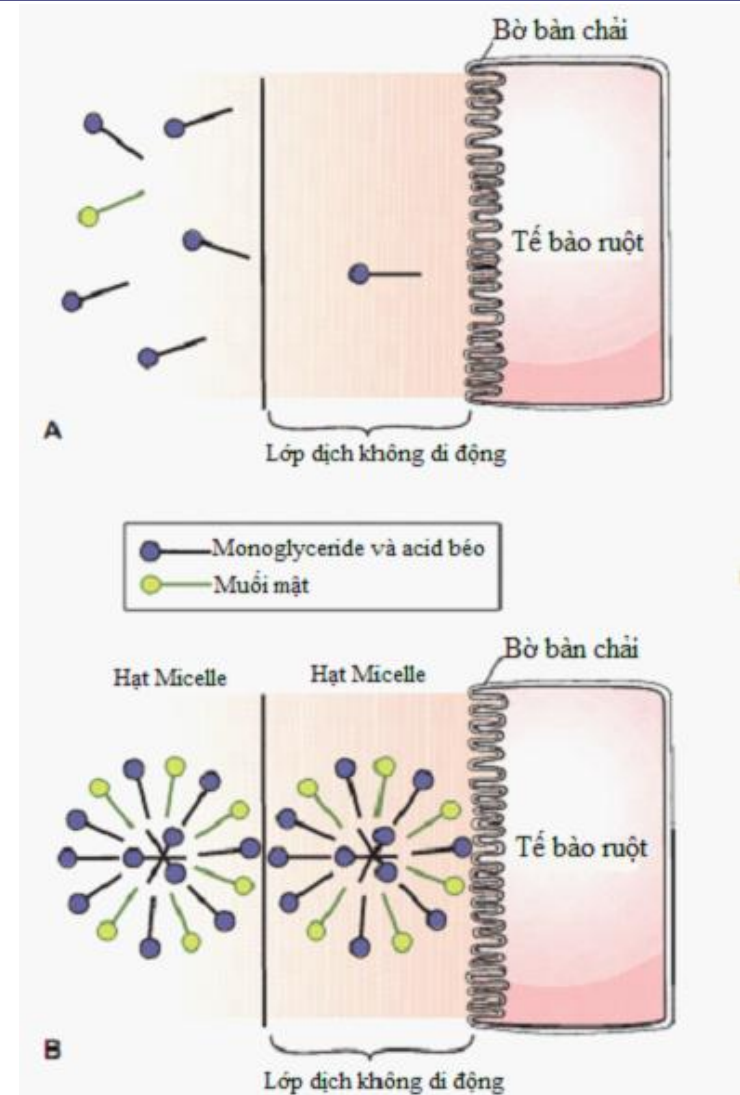
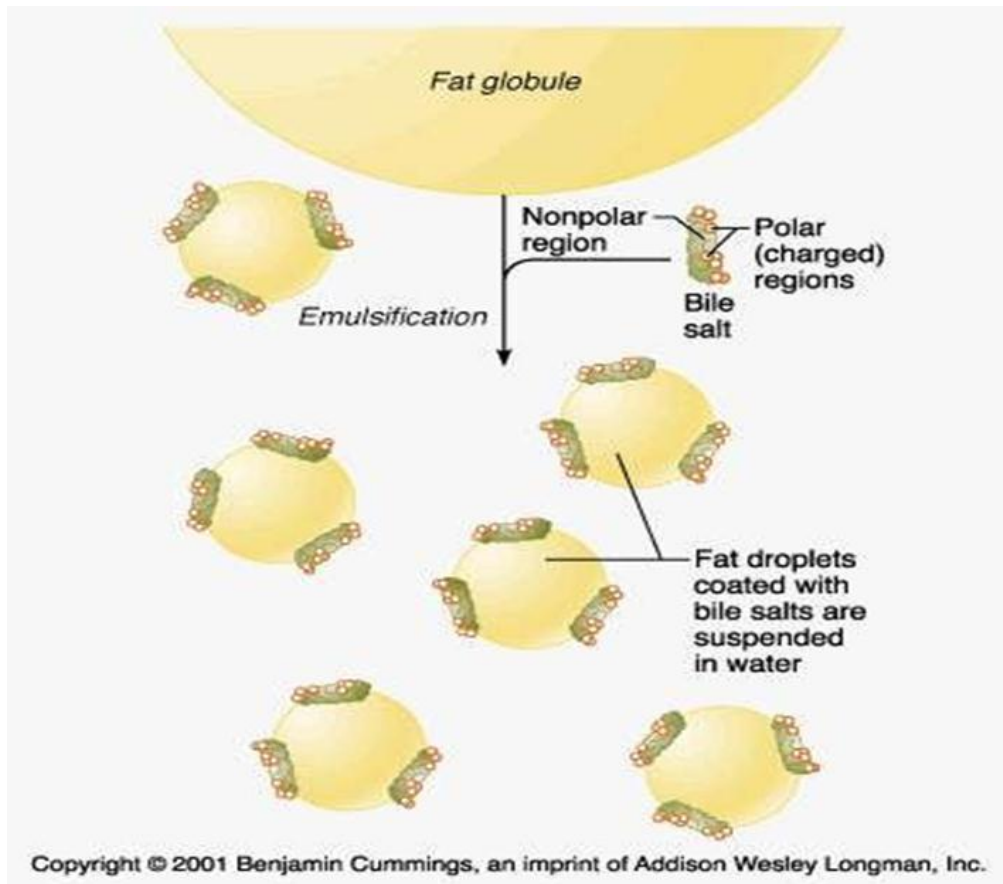


CHỨC NĂNG BÀI TIẾT MẬT

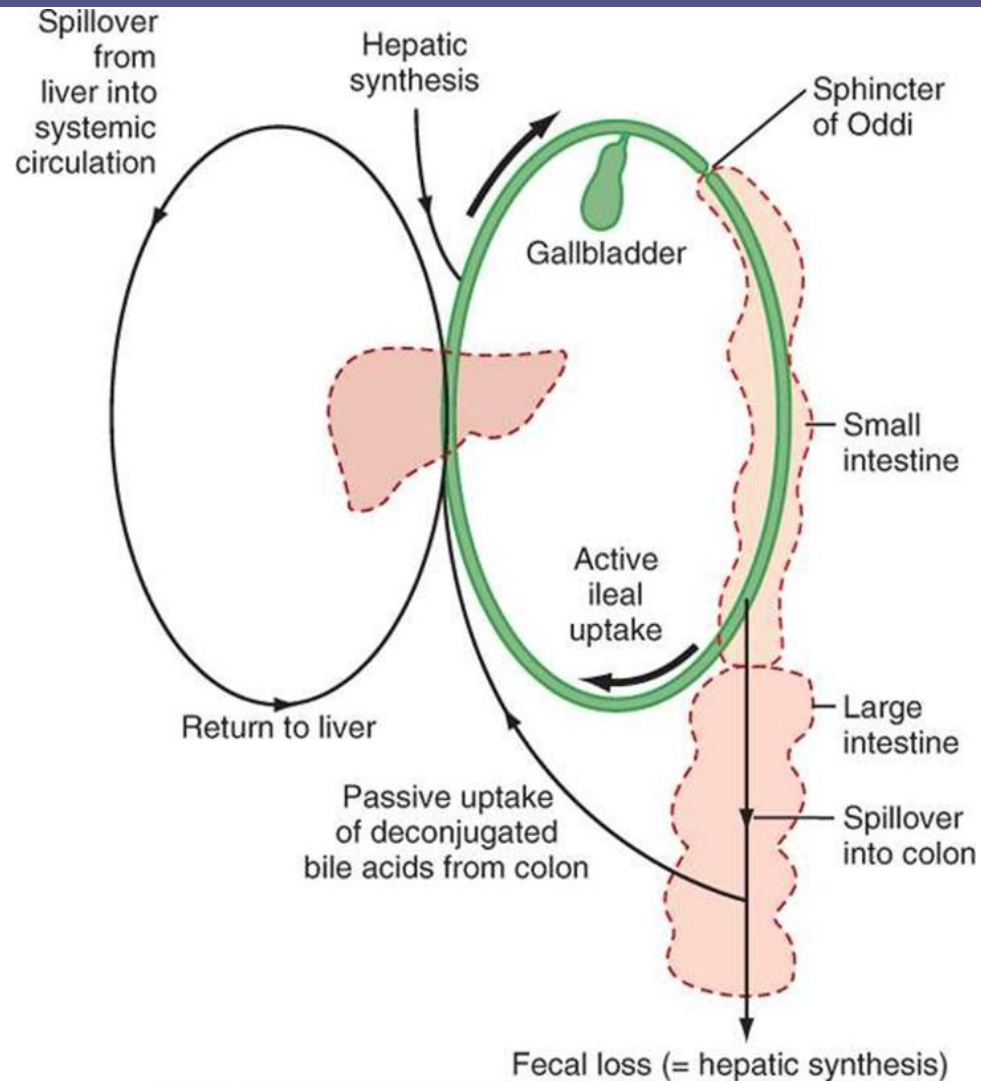
- Dịch mật: 700 – 1100 ml/ngày
- Thành phần mật: muối mật, bilirubin, lecithin, chất điện giải, nước.
- Dữ trữ mật tại túi mật.



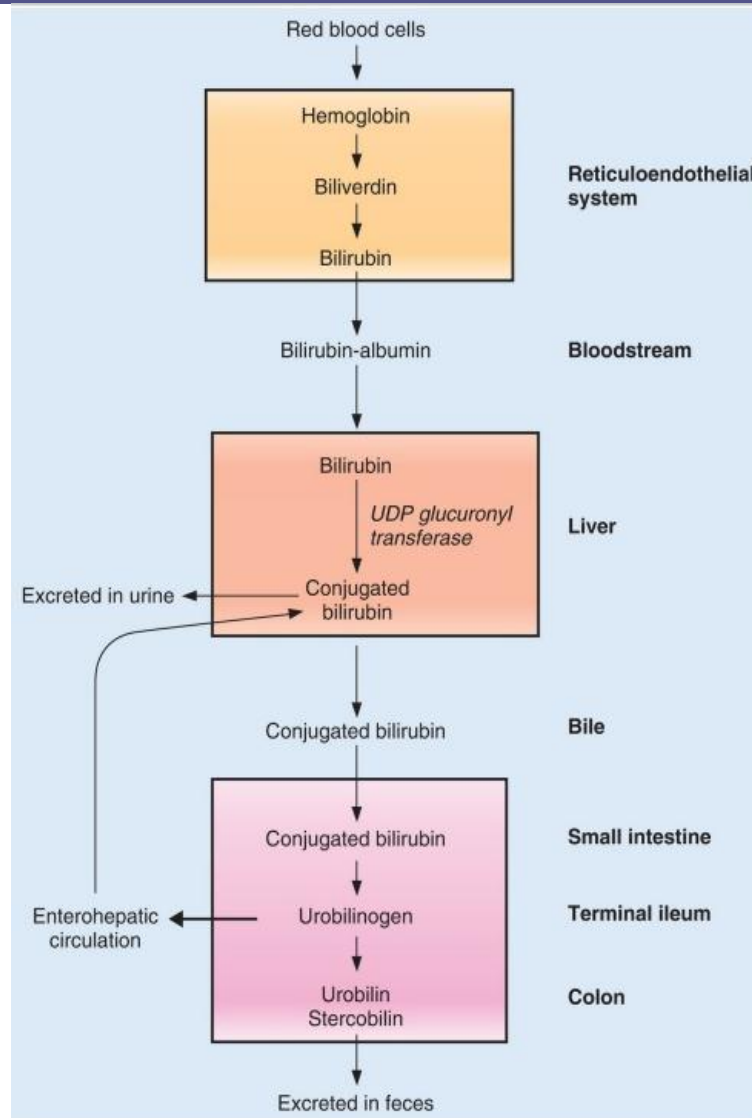
Muối mật



Muối mật



Bilirubin



CHỨC NĂNG DỰ TRỮ

❖ Vitamin: A, D, B₁₂

❖ Sắt

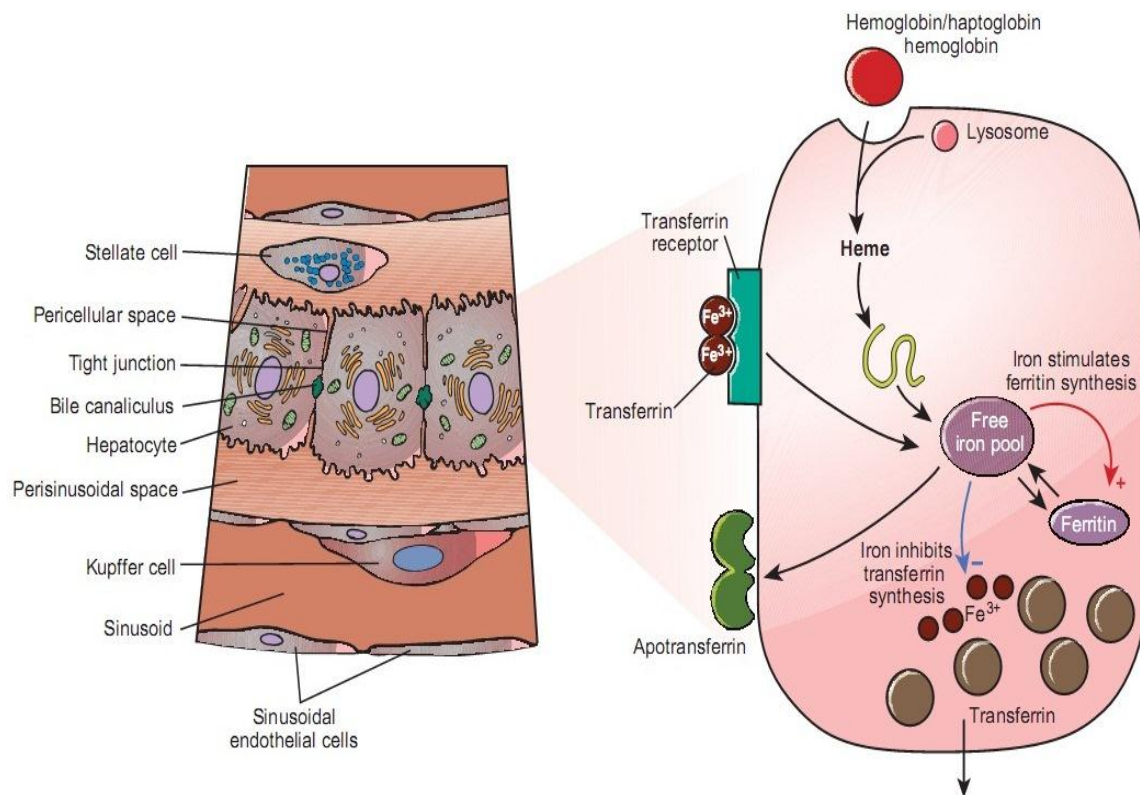


Figure 27.9 The hepatocyte is the major storage site for iron. Transferrin binds to receptors on